



CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018



CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 – 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 – 31

38
DN
TN
TOÁN
HV
7.8

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Tuấn Minh	Chủ tịch
Ông Trần Xảo Cơ	Phó Chủ tịch
Ông Lê Tấn Quốc	Thành viên
Ông Khưu Kim Hòa	Thành viên – Từ nhiệm ngày 28 tháng 03 năm 2018
Ông Nguyễn Quang Hải	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Hoàng Vân	Trưởng ban
Bà Hồ Thị Huỳnh Giao	Thành viên
Ông Huỳnh Trung Hiếu	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Tuấn Minh	Tổng Giám đốc
Ông Lê Tấn Quốc	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 09 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Trần Tuấn Minh
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 12 năm 2018

Số: 18.536/BCKT-RSM HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 12 năm 2018 từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 09 năm 2018, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên tại ngày 30 tháng 09 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Đặng Thị Hồng Loan
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0425-2018-026-1

Lộ Nguyễn Thúy Phương
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
1191-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 12 năm 2018

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊNĐịa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/09/2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/09/2018	Tại ngày 01/10/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		137.703.807.690	149.288.390.001
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		3.973.188.573	7.109.332.972
1. Tiền	111	4.1	3.973.188.573	7.109.332.972
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		47.867.852.021	59.996.714.548
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	33.544.021.157	42.975.280.207
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.393.964.584	17.785.807.074
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.3	13.161.846.064	537.607.051
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.4	(1.231.979.784)	(1.301.979.784)
III. Hàng tồn kho	140		73.603.383.998	68.560.780.277
1. Hàng tồn kho	141	4.5	73.603.383.998	68.560.780.277
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		12.259.383.098	13.621.562.204
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.8	2.056.533.657	2.238.144.452
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.10	9.611.922.741	10.792.491.052
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.10	590.926.700	590.926.700
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		84.317.456.428	29.873.281.918
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		448.840.000	448.840.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		448.840.000	448.840.000
II. Tài sản cố định	220		57.553.965.524	23.456.653.273
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	57.418.740.646	23.271.639.015
Nguyên giá	222		94.756.911.161	55.030.006.831
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(37.338.170.515)	(31.758.367.816)
2. Tài sản cố định vô hình	227		135.224.878	185.014.258
Nguyên giá	228		398.315.000	398.315.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(263.090.122)	(213.300.742)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.419.146.826	5.545.034.963
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.6	2.419.146.826	5.545.034.963
IV. Tài sản dài hạn khác	260		23.895.504.078	422.753.682
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.8	23.895.504.078	422.753.682
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		222.021.264.118	179.161.671.919

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong
 Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/09/2018

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/09/2018	Tại ngày 01/10/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		158.318.501.156	116.628.507.871
I. Nợ ngắn hạn	310		119.666.898.098	107.210.593.193
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	47.738.887.015	39.827.639.917
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.585.384.176	749.975.139
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.10	2.053.956.632	1.937.221.523
4. Phải trả người lao động	314		840.849.000	-
5. Phải trả ngắn hạn khác	319		1.007.525.064	580.175.944
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.11	64.981.278.473	64.115.580.670
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		459.017.738	-
II. Nợ dài hạn	330		38.651.603.058	9.417.914.678
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.11	38.651.603.058	9.417.914.678
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		63.702.762.962	62.533.164.048
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.12	63.702.762.962	62.533.164.048
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		54.309.230.000	54.309.230.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		54.309.230.000	54.309.230.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		124.205.820	124.205.820
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		2.294.874.180	2.294.874.180
4. Cổ phiếu quỹ	415		(2.294.874.180)	(2.294.874.180)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.356.558.615	1.356.558.615
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.912.768.527	6.743.169.613
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		6.043.169.613	540.672.782
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.869.598.914	6.202.496.831
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		222.021.264.118	179.161.671.919



Trần Tuấn Minh
 Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 12 năm 2018

Đinh Thị Nguyên Hương
 Kế Toán Trưởng

Đinh Thị Phương Nga
 Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	420.918.636.901	467.403.183.489
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		58.119.821	32.939.773
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		420.860.517.080	467.370.243.716
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	386.733.532.240	425.904.320.572
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		34.126.984.840	41.465.923.144
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	762.200.407	1.229.728.682
7. Chi phí tài chính	22	5.4	6.539.511.958	6.297.415.470
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>6.109.521.102</i>	<i>5.301.342.122</i>
8. Chi phí bán hàng	25	5.5	15.258.689.714	17.499.433.340
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	11.437.371.696	10.783.717.576
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.653.611.879	8.115.085.440
11. Thu nhập khác	31	5.7	1.313.909.935	158.124.729
12. Chi phí khác	32		2.646.062	1.352.835
13. Lợi nhuận khác	40		1.311.263.873	156.771.894
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.964.875.752	8.271.857.334
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.9	1.095.276.838	1.979.835.480
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.869.598.914	6.292.021.854
17. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	70	4.12.4	221	1.057



Trần Tuấn Minh
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 12 năm 2018

Đinh Thị Nguyễn Hương
Kế Toán Trưởng

Đinh Thị Phương Nga
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊNĐịa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.964.875.752	8.271.857.334
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.8	7.398.443.718	7.016.510.557
Các khoản dự phòng	03		(70.000.000)	(140.239.599)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(21.108.160)	(202.183.041)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.203.694.720)	(9.003.583)
Chi phí lãi vay	06	5.4	6.109.521.102	5.301.342.122
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		15.178.037.692	20.238.283.790
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		13.379.430.838	(27.176.445.227)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(5.042.603.721)	12.075.890.844
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		11.595.613.711	2.570.659.541
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(23.291.139.601)	269.153.929
Tiền lãi vay đã trả	14		(6.109.521.102)	(5.301.342.122)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.10	(979.707.660)	(3.190.605.690)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(241.282.262)	(958.234.040)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		4.488.827.895	(1.472.638.975)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(38.369.867.832)	(11.381.219.595)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.197.000.000	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.694.720	9.003.583
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(37.166.173.112)	(11.372.216.012)



CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	338.404.290.479	320.809.208.239
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(308.884.077.573)	(309.834.898.059)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		29.520.212.906	10.974.310.180
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM	50		(3.157.132.311)	(1.870.544.807)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		7.109.332.972	8.901.447.120
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		20.987.912	78.430.659
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	4.1	3.973.188.573	7.109.332.972



Trần Tuấn Minh
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 12 năm 2018

Đinh Thị Nguyên Hương
Kế Toán Trưởng

Đinh Thị Phương Nga
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0305173769 ngày 30 tháng 08 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là ngày 13 tháng 09 năm 2018.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 54.309.230.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2018 là 244 người (30 tháng 09 năm 2017 là: 264).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất giường, tủ, bàn ghế, kệ, tủ bằng gỗ (trừ chế biến gỗ tại trụ sở);
- Sản xuất, mua bán sản phẩm gia dụng: bàn, ghế, xe đẩy, tủ kệ bằng kim loại (không rèn, đúc, cắt, cán, kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện, giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự, máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện, sắt thép;
- Sản xuất sắt, thép, gang và các sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (không được hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn thảm, đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác; và
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc tính đến 30 tháng 09 năm 2018 gồm:

Tên	Địa chỉ
Nhà Máy Chi Nhánh Công ty CP Minh Hữu Liên – Long An	Lô B22, đường D2, KCN Phú An Thạnh, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 01 tháng 10 năm trước đến ngày 30 tháng 09 năm nay (dưới đây gọi tắt là "Năm nay").

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của ngân hàng giao dịch.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong năm.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 30 tháng 09 năm 2018 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2018. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.4. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc dựa trên khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu này tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	07 – 08 năm
▪ Máy móc thiết bị	03 – 07 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 – 06 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm

3.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

3.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước, chi phí

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

lượng tháng 13. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

3.10. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.11. Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.12. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.13. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định, bất động sản đầu tư và chi phí thanh lý.

3.14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.15. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn và khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

3.16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác.

3.17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ưu đãi, miễn giảm thuế

Theo Giấy phép đầu tư số 7671307206 do Ban quản lý khu kinh tế Tỉnh Long An cấp ngày 26 tháng 12 năm 2017 và thay đổi lần thứ 01 ngày 16 tháng 08 năm 2018, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới là dự án: Nhà máy chi nhánh Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên – Long An.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Bán nội địa: 10%
- Xuất khẩu: 0%

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.20. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.21. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/09/2018 VND	Tại ngày 01/10/2017 VND
Tiền mặt	914.017.424	734.631.845
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.059.171.149	6.374.701.127
Cộng	3.973.188.573	7.109.332.972

4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 30/09/2018 VND	Tại ngày 01/10/2017 VND
Harbor Freight Tools	8.816.389.438	10.430.894.880
Công ty TNHH MTV Thép Hữu Liên	2.082.629.950	4.404.283.067
Các khách hàng khác	22.645.001.769	28.140.102.260
Cộng	33.544.021.157	42.975.280.207

4.3. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/09/2018 VND		Tại ngày 01/10/2017 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	822.239.157	-	434.148.551	-
Thuế GTGT chờ được hoàn	12.291.906.909	-	-	-
Ký quỹ, ký cược	47.699.998	-	103.458.500	-
Cộng	13.161.846.064	-	537.607.051	-

4.4. Nợ xấu

	Tại ngày 30/09/2018 VND		Tại ngày 01/10/2017 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	1.231.979.784	-	1.301.979.784	-

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp vì các khách hàng này đã mất khả năng thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/09/2018 VND			Tại ngày 01/10/2017 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH MTV TMDV XNK Quyền Hưng	401.230.064	-	> 3 năm	401.230.064	-	> 3 năm
Công ty CP Đầu Tư và XDCN C007A - XN Xây Dựng Số 9	224.887.040	-	> 3 năm	224.887.040	-	> 3 năm
Công ty CP Thống Nhất	180.120.000	-	> 3 năm	180.120.000	-	> 3 năm
Các khách hàng khác	425.742.680	-	> 3 năm	495.742.680	-	> 3 năm
Cộng	1.231.979.784	-		1.301.979.784	-	

4.5. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/09/2018 VND		Tại ngày 01/10/2017 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	18.012.059.613	-	27.841.307.289	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	546.730.050	-	1.604.611.739	-
Thành phẩm	44.421.233.522	-	32.957.637.820	-
Hàng hóa	10.623.360.813	-	6.157.223.429	-
Cộng	73.603.383.998	-	68.560.780.277	-

Giá trị hàng tồn kho cuối năm là 44.087.568.262 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản vay - Xem thêm mục 4.11.

4.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí xây dựng nhà xưởng thuộc dự án mở rộng nhà xưởng tại Long An.

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/10/2017	775.086.961	49.737.042.672	4.044.550.996	473.326.202	55.030.006.831
Mua trong năm	37.470.853.812	3.467.447.612	557.454.545	-	41.495.755.969
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.660.633.456)	-	(108.218.183)	(1.768.851.639)
Tại ngày 30/09/2018	38.245.940.773	51.543.856.828	4.602.005.541	365.108.019	94.756.911.161
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/10/2017	302.706.656	29.667.388.694	1.355.069.783	433.202.683	31.758.367.816
Khấu hao trong năm	106.537.272	6.640.339.054	577.793.004	23.985.008	7.348.654.338
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.660.633.456)	-	(108.218.183)	(1.768.851.639)
Tại ngày 30/09/2018	409.243.928	34.647.094.292	1.932.862.787	348.969.508	37.338.170.515
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/10/2017	472.380.305	20.069.653.978	2.689.481.213	40.123.519	23.271.639.015
Tại ngày 30/09/2018	37.836.696.845	16.887.420.536	2.669.142.754	16.138.511	57.418.740.646

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình là 30.213.210.591 VND đã được dùng thế chấp cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.11.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 4.081.625.030 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.8. Chi phí trả trước**

	Tại ngày 30/09/2018 VND	Tại ngày 01/10/2017 VND
Ngắn hạn:		
Lương tháng 13 và thưởng	600.568.464	633.216.590
Chi phí thuê nhà	175.000.000	312.500.000
Các khoản khác	1.280.965.193	1.292.427.862
Cộng	2.056.533.657	2.238.144.452
Dài hạn:		
Tiền thuê đất KCN An Phú Thạnh – Xem thêm mục 8	22.606.108.616	-
Công cụ dụng cụ	604.070.369	242.351.747
Các khoản khác	685.325.093	180.401.935
Cộng	23.895.504.078	422.753.682

Giá trị còn lại của tiền thuê đất trả trước tại KCN An Phú Thạnh tại ngày 30/09/2018 là 22.606.108.616 VND đã được dùng để thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.11.

4.9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/09/2018 VND		Tại ngày 01/10/2017 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 8	217.306.000	217.306.000	-	-
Phải trả cho người bán:				
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Quang	28.839.981.694	28.839.981.694	18.074.253.847	18.074.253.847
Công ty TNHH Posco Việt Nam Holdings - CN Đồng Nai	3.831.832.607	3.831.832.607	10.363.381.959	10.363.381.959
Phải trả cho các đối tượng khác	14.849.766.714	14.849.766.714	11.390.004.111	11.390.004.111
Cộng	47.738.887.015	47.738.887.015	39.827.639.917	39.827.639.917

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.10. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 30/09/2018		Trong năm		Tại ngày 01/10/2017	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế xuất, nhập khẩu	-	3.669.180	1.277.398	1.277.398	-	3.669.180
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.849.217.361	1.095.276.838	979.707.660	-	1.733.648.183
Thuế thu nhập cá nhân	-	201.070.091	408.856.029	407.690.098	-	199.904.160
Các loại thuế khác	590.926.700	-	-	-	590.926.700	-
Cộng	590.926.700	2.053.956.632	1.505.410.265	1.388.675.156	590.926.700	1.937.221.523

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.11. Vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/09/2018		Trong năm		Tại ngày 01/10/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn:						
Vay	60.888.269.109	60.888.269.109	305.307.729.212	307.309.488.777	62.890.028.674	62.890.028.674
Vay dài hạn đến hạn trả	4.093.009.364	4.093.009.364	4.093.009.364	1.225.551.996	1.225.551.996	1.225.551.996
Cộng	64.981.278.473	64.981.278.473	309.400.738.576	308.535.040.773	64.115.580.670	64.115.580.670
Dài hạn:						
Vay	38.651.603.058	38.651.603.058	33.647.771.800	4.414.083.420	9.417.914.678	9.417.914.678
Cộng	38.651.603.058	38.651.603.058	33.647.771.800	4.414.083.420	9.417.914.678	9.417.914.678
Tổng cộng	103.632.881.531	103.632.881.531	343.048.510.376	312.949.124.193	73.533.495.348	73.533.495.348

Vay ngắn hạn ngân hàng có thời hạn vay theo từng lần nhận nợ dưới 12 tháng, chịu lãi suất theo từng lần nhận nợ (binh quân 9,5%/năm đối với các khoản vay VND và 5,2%/năm đối với các khoản vay USD) nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu được quy định bởi Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam. Các khoản vay này được thế chấp bằng máy móc thiết bị và hàng tồn kho của Công ty. – Xem thêm mục 4.5 và 4.7.

Vay dài hạn ngân hàng có thời hạn từ 3 – 10 năm, chịu lãi suất theo thời điểm với mức lãi suất bình quân từ 9,0%/năm đến 10,5%/năm. Khoản vay này được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay – Xem thêm mục 4.7 và 4.8.

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.12. Vốn chủ sở hữu****4.12.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu							Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu ngân quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND		
Tại ngày 01/10/2016	49.501.710.000	124.205.820	2.294.874.180	(2.294.874.180)	1.356.558.615	6.048.192.782	57.030.667.217	
Tăng vốn trong năm trước	4.807.520.000	-	-	-	-	(4.807.520.000)	-	
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	6.292.021.854	6.292.021.854	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(700.000.000)	(700.000.000)	
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm trước	-	-	-	-	-	(89.525.022)	(89.525.022)	
Số dư tại ngày 01/10/2017	54.309.230.000	124.205.820	2.294.874.180	(2.294.874.180)	1.356.558.615	6.743.169.613	62.533.164.048	
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	1.869.598.914	1.869.598.914	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(700.000.000)	(700.000.000)	
Số dư tại ngày 30/09/2018	54.309.230.000	124.205.820	2.294.874.180	(2.294.874.180)	1.356.558.615	7.912.768.527	63.702.762.962	

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊNĐịa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.12.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/09/2018 VND	Tại ngày 01/10/2017 VND
Vốn góp của Công ty CP Hữu Liên Á Châu	13.328.680.000	16.784.592.854
Vốn góp của Ông Trần Tuấn Minh	12.582.920.000	9.082.920.000
Vốn góp của các đối tượng khác	28.397.630.000	28.441.717.146
Cộng	54.309.230.000	54.309.230.000

4.12.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/09/2018	Tại ngày 01/10/2017
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	5.430.923	5.430.923
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	5.430.923	5.430.923
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(142.300)	(142.300)
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	5.288.623	5.288.623

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.12.4. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	1.869.598.914	6.292.021.854
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(700.000.000)	(700.000.000)
Lãi để tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	1.169.598.914	5.592.021.854
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	5.288.623	5.288.623
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	221	1.057

4.13. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 30/09/2018	Tại ngày 01/10/2017
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	1.061.625.388	1.061.625.388
Ngoại tệ (USD)	19.510,62	192.764,70

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊNĐịa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH****5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay VND</u>	<u>Năm trước VND</u>
Doanh thu bán hàng hóa	69.256.489.044	64.130.468.826
Doanh thu bán thành phẩm	350.805.157.232	402.612.714.663
Doanh thu hoạt động khác	856.990.625	660.000.000
Cộng	<u>420.918.636.901</u>	<u>467.403.183.489</u>

5.2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay VND</u>	<u>Năm trước VND</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	70.594.858.179	64.600.429.047
Giá vốn của thành phẩm đã bán	315.476.174.061	360.553.891.525
Giá vốn hoạt động khác	662.500.000	750.000.000
Cộng	<u>386.733.532.240</u>	<u>425.904.320.572</u>

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay VND</u>	<u>Năm trước VND</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.694.720	9.003.583
Lãi chênh lệch tỷ giá	734.517.775	1.130.643.141
Doanh thu hoạt động tài chính khác	20.987.912	90.081.958
Cộng	<u>762.200.407</u>	<u>1.229.728.682</u>

5.4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay VND</u>	<u>Năm trước VND</u>
Lãi tiền vay	6.109.521.102	5.301.342.122
Lỗ chênh lệch tỷ giá	429.990.856	996.073.348
Cộng	<u>6.539.511.958</u>	<u>6.297.415.470</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊNĐịa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****5.5. Chi phí bán hàng**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên bán hàng	5.003.553.755	5.276.565.402
Chi phí dụng cụ đồ dùng	969.465.602	1.157.557.399
Chi phí khấu hao tài sản cố định	134.478.468	136.554.916
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.541.009.499	9.956.003.718
Các khoản chi phí khác	1.610.182.390	972.751.905
Cộng	15.258.689.714	17.499.433.340

5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.925.748.783	4.547.833.441
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.446.725.029	1.571.375.193
Chi phí dự phòng	(70.000.000)	(140.239.599)
Chi phí khấu hao tài sản cố định	582.548.660	552.996.692
Thuế phí, lệ phí	97.753.182	80.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.794.105.726	3.230.308.108
Chi phí bằng tiền khác	660.490.316	941.443.741
Cộng	11.437.371.696	10.783.717.576

5.7. Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.197.000.000	-
Thu nhập khác	116.909.935	158.124.729
Cộng	1.313.909.935	158.124.729

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	364.714.817.495	388.378.149.948
Chi phí nhân công	35.482.939.870	36.050.408.656
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.398.443.718	7.016.510.557
Chi phí dự phòng	(70.000.000)	(140.239.599)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.284.314.286	15.652.946.453
Chi phí khác bằng tiền	4.024.792.294	2.208.823.266
Cộng	423.835.307.663	449.166.599.281

5.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	2.964.875.752	8.271.857.334
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	2.511.508.436	1.767.559.666
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	(140.239.599)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	5.476.384.188	9.899.177.401
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	1.095.276.838	1.979.835.480
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.095.276.838	1.979.835.480

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế như: chi phí không có đầy đủ chứng từ theo quy định, khoản giảm chi phí dự phòng do đã thu hồi được công nợ.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	338.404.290.479	320.809.208.239

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(308.884.077.573)	(309.834.898.059)

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý như sau:

- Trong nước
- Xuất khẩu

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2018

	Trong nước		Xuất khẩu		Tổng cộng	
	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Doanh thu						
Từ khách hàng bên ngoài	270.986	263.507	149.874	203.863	420.861	467.370
Cộng	270.986	263.507	149.874	203.863	420.861	467.370
Kết quả hoạt động kinh doanh						
Kết quả của bộ phận CP không phân bổ	3.142	5.577	30.985	35.889	34.127	41.466
Thu nhập tài chính					(25.385)	(28.126)
Chi phí tài chính					762	1.230
Lợi nhuận trước thuế					(6.540)	(6.297)
Thuế TNDN					2.960	8.273
					(1.095)	(1.980)
Lợi nhuận sau thuế					1.869	6.292
Các thông tin khác						
	Trong nước		Xuất khẩu		Tổng cộng	
	30/09 2018 Triệu đồng	01/10 2017 Triệu đồng	30/09 2018 Triệu đồng	01/10 2017 Triệu đồng	30/09 2018 Triệu đồng	01/10 2017 Triệu đồng
Tài sản của bộ phận Tài sản không phân bổ	22.659	31.362	10.885	11.614	33.544	42.976
					188.477	136.186
Tổng tài sản					222.021	179.162
Nợ phải trả của bộ phận Nợ phải trả không phân bổ	42.244	38.064	5.495	1.764	47.739	39.828
					110.580	76.801
Tổng nợ phải trả					158.319	116.629
	Trong nước		Xuất khẩu		Tổng cộng	
	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Chi phí mua sắm tài sản	38.370	11.381	-	-	38.370	11.381
Chi phí khấu hao	7.398	7.017	-	-	7.398	7.017

Doanh thu bộ phận được dựa trên cơ sở vị trí địa lý của khách hàng. Tài sản và chi phí mua sắm tài sản cố định bộ phận được trình bày theo vị trí địa lý của tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Công ty không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh vì hoạt động của Công ty chủ yếu là sản xuất và kinh doanh sắt thép, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực kinh doanh cần thiết phải thuyết minh.

8. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty thuê quyền sử dụng đất tại KCN Phú An Thạnh theo hợp đồng thuê hoạt động số 06/2017/HĐTĐ/PAT-LA ngày 17 tháng 08 năm 2017. Hợp đồng thuê có thời hạn đến ngày 19 tháng 09 năm 2057, với tiền thuê được trả một lần vào thời điểm nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất – Xem thêm mục 4.8.

9. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

- | | |
|------------------------------------|------------------------------|
| 1. Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu | Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể |
| 2. HĐQT và Ban Tổng Giám đốc | Nhân sự quản lý chủ chốt |

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	<u>Tại ngày 30/09/2018 VND</u>	<u>Tại ngày 01/10/2017 VND</u>
Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu:		
Trả trước cho người bán	-	1.507.011.500
Phải trả người bán – Xem thêm mục 4.9	(217.306.000)	-

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay VND</u>	<u>Năm trước VND</u>
Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu:		
Phí gia công	-	466.741.890
Phí thuê kho	11.739.937.724	9.098.799.659
Mua hàng	-	3.911.823

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm nay VND</u>	<u>Năm trước VND</u>
Thù lao Hội đồng quản trị	360.000.000	360.000.000
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	1.049.547.000	944.953.000
Cộng	<u>1.409.547.000</u>	<u>1.304.953.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**10. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT**

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Tiền lương và các chi phí hoạt động	168.000.000	168.000.000

11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Trần Tuấn Minh
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 12 năm 2018

Đinh Thị Nguyễn Hương
Kế toán trưởng

Đinh Thị Phương Nga
Người lập

THE POWER OF BEING UNDERSTOOD

AUDIT | TAX | CONSULTING

RSM Vietnam

5th Floor, Sai Gon 3 Building
140 Nguyen Van Thu Street, Da Kao Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam

T +8428 3827 5026
F +8428 3827 5027

Ha Noi Office
7th Floor, Lotus Building, 2 Duy Tan Street
Cau Giay District, Hanoi, Vietnam

T +8424 3795 5353
F +8424 3795 5252

Central Office
197 Le Dinh Ly Street, Hoa Thuan Tay Ward
Hai Chau District, Da Nang, Vietnam

T +84 236 363 3334
F +84 236 363 3334

